

Đề minh họa năm 2019 môn Tiếng Trung có đáp án

A. Đề thi minh họa môn Tiếng Trung năm 2019

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 001

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 风光 là: _____ēngguāng.

A. g

B. m

C. p

D. f

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 告别 là: gàob____.

A. ú

B. ái

C. ié

D. ó

Câu 3: 保护环_____是我们全社会的责任。

A. 境

B. 境

C. 镜

D. 镜

Câu 4: 本来以为我们队会赢, _____知道却输了。

A. 那样

B. 这样

C. 多少

D. 哪儿

Câu 5: 每年妈妈都给我织一_____漂亮的毛衣。

A. 支

B. 张

C. 把

D. 件

Câu 6: 这两天阮老师病了, 在医院住_____呢。

A. 的

B. 了

C. 过

D. 着

Câu 7: 那本小说我没看过, 你给我讲讲_____。

A. 吗

B. 的

C. 吧

D. 呢

Câu 8: 我几年前曾和小明见过面, _____就一直没联系过。

A. 后来

B. 以来

C. 以前

D. 后天

Câu 9: 他终于成功了, 当登上台领冠军奖的时候, 他_____得流下了热泪。

- A. 激动 B. 感恩 C. 刺激 D. 感激

Câu 10: 一轮火球般的太阳刚从大海上升起, 把天空照得_____的。

- A. 火红火红 B. 红火红火 C. 红火火红 D. 火红红火

Câu 11: 那里_____修路呢, 你开车的时候要小心一点儿。

- A. 曾经 B. 正 C. 又 D. 已经

Câu 12: 专家们认为, _____的孩子是一门学问。

- A. 身体健康和心理如何培养 B. 如何身体和心理培养
C. 身体和心理如何培养健康 D. 如何培养身体和心理培养

Câu 13: 她觉得很幸运, 在陌生的地方_____的关照。

- A. 还能如此充满温情得到他人 B. 还能得到如此充满温情他人
C. 还能得到他人如此充满温情 D. 还能得到他人充满温情如此

Câu 14: 厂长只是对工作认真负责罢了, _____故意跟你过不去。

- A. 反正 B. 完全 C. 无非 D. 并非

Câu 15: _____六个月锻炼的时间, 他的身体比去年好多了。

- A. 通过 B. 经过 C. 按照 D. 根据

Câu 16: 旅途上_____让呼吸正常和恢复知觉, 有好几次我不得不停住脚步。

- A. 以便 B. 为了 C. 由于 D. 因此

Câu 17: 我_____听到她唱的这首歌, _____想起我的初中老师。

- A. 既……又…… B. 一面……一面……
C. 一……就…… D. 虽说……不过……

Câu 18: 一般来说, _____态度谦虚, 我们_____能获取更多的知识。

- A. 只有……才…… B. 不管……也……
C. 即使……也…… D. 尽管……还……

Câu 19: 按规定, _____员工不遵守劳动纪律, 公司_____有权解除他们的合同。

- A. 如果……就…… B. 尽管……但是……
C. 宁可……也要…… D. 不管……也……

Câu 20: 今天去商店, 我看上了一条红色的_____。

- A. 裙子 B. 鞋子 C. 椅子 D. 桌子

Câu 21: 这儿的风景多美啊! 我们_____一张相吧。

- A. 照 B. 送 C. 记 D. 拿

Câu 22: 今天进的玫瑰已经卖_____了, 明天给你预定好不好?

- A. 够 B. 光 C. 白 D. 满

Câu 23: 毒品严重影响健康, 同时给家庭和社会造成无法挽回的_____。

- A. 后悔 B. 损失 C. 悔恨 D. 损耗

Câu 24: 天上突如其来的一层层很厚的乌云, 也_____太阳的光辉。

- A. 挡不住 B. 拦不住 C. 包不住 D. 保不住

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của từ/cụm từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

Câu 25: 我在 A 新华书店找 B 了你要 C 买的那本 D 词典。(到)

Câu 26: 你去她家 A 的时候, B 请 C 顺便 D 把这封信交给她。(替我)

Câu 27: 我 A 把越南生产 B 的 C 钢笔 D 送给了班主任老师。(红河牌)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ được gạch chân trong các câu sau.

Câu 28: 首都河内有很多美丽的湖泊。

- A. 高兴 B. 热 C. 冷 D. 漂亮

Câu 29: 这道菜她是最拿手的, 你尝尝看好不好吃。

- A. 做得快 B. 不能做 C. 不能拿 D. 做得好

Câu 30: 一整天面对这电脑创作使我挺累的, 脑子有些**发木**了。

- A. 效率高 B. 忧愁 C. 反应慢 D. 清醒

Câu 31: 这份镇定和自如, 让人一看就知道他是个外交**老手**。

- A. 年龄大的人 B. 有经验的人 C. 当助手的人 D. 很诚实的人

Câu 32: 我们这么做, 也是为了**防止**有更多问题发生, 而不是故意为难你们。

- A. 停止 B. 防护 C. 停放 D. 阻止

Câu 33: 大学毕业后我就独立了, 不再**向父母伸手**了。

- A. 照顾父母 B. 要父母的钱 C. 支援父母 D. 帮父母赚钱

Câu 34: **说白了**, 这事我无论如何也不同意, 你们自己看着办吧。

- A. 简单地说 B. 说句空话 C. 坦率地说 D. 说也没用

Câu 35: 这年头啊, **唱高调**的受到赞扬, 说实话的总是吃亏, 真让人心寒!

- A. 说不实际的话 B. 说不积极的话 C. 说骗人的话 D. 说相反的话

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

电脑业几乎没有人不认识比尔·盖茨, 他被认为是电脑天才, 同时在他身上我们也印证了“**英雄出少年**”这句话。他非常年轻的时候就涉足电脑软件行业, 而且很快就已经小有名气了。他是第一个提醒人们重视软件非法复制的程序员, 希望电脑软件能够广泛地被使用, 形成统一的标准。另一方面, 他又不希望自己的软件成为免费的午餐。他很想软件开发这一领域有所作为, 最后我们看到了“微软帝国”的建立。

商业社会在其商业发展阶段, 只要控制了产品, 就可以拥有财富; 在工业资本发展阶段, 只有控制了资本才可以拥有财富; 而在信息资本发展阶段, 只有具有掌握人才的能力, 才能拥有财富。实际上, 盖茨最让人佩服的地方不在于他的技术, 也不在于他的市场运作能力, 更不在于他逐渐积累的雄厚的资金基础, 而是他善于吸引和凝聚众多人才的能力, 就连盖茨本人也常常感慨: “和一群天才们一起工作是多么有趣的一件事啊!”

盖茨对企业的管理理念是“让员工和公司一起致富”。微软公司的工资水平其实并不很高, 但他会给员工本公司丰厚的股票收益, 这样, 员工就能够把自己和公司连为一体, 能动性和主动性自然就发挥出来了。

(王素梅, 《汉语水平考试模拟试题集》, 北京语言大学出版社, 2011 年, 有删改)

Câu 36: 比尔·盖茨是从哪个行业的?

- A. 电脑 B. 电力 C. 电影 D. 电信

Câu 37: 文中“**英雄出少年**”的意思是:

- A. 杰出人物幼儿时已有非凡的表现 B. 杰出人物全都是中老年人
C. 杰出人物全都是儿童少年 D. 杰出人物年轻时已有非凡的表现

Câu 38: 电脑业内人士几乎都认识比尔·盖茨**不是**因为下面哪一项?

- A. 他提醒人们重视软件非法复制 B. 他小时候成了闻名的小富翁
C. 他被电脑业内人士认为是天才 D. 他建立了所谓的“微软帝国”

Câu 39: 在信息资本发展阶段, 拥有财富的关键是什么?

- A. 控制资本 B. 控制产品
C. 掌握人才 D. 掌握信息

Câu 40: 在比尔·盖茨看来, 怎样才能使员工和公司连为一体?

- A. 鼓励公司的员工参加股票市场 B. 让员工和公司的利益紧密相连
C. 克制公司员工的能动性 D. 给员工发比较高的工资

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong bài đọc sau, từ câu 41 đến câu 50.

诚信, 是指诚实守信, 是人类社会基本的道德 (41) _____, 也是一种非常宝贵的资源。有一 (42) _____ 董事长, 当初是个农民, 家徒四壁, 也没有 (43) _____ 企业的经验, 可是当他决定建厂时, 大家都来帮助他, 邻里和朋友们毫不犹豫地借给他十几万元资金, 结果他获得了成功。有人不 (44) _____, 当初人们为什么会借钱给这个没有偿还能力的人? 事情

原来是这样的：多年前，他和一个工友打赌，赌注是谁输了谁就挑走村中晒谷场上一大堆石头。结果他输了，他 (45) _____ 去挑那堆成小山一样的石头。和他打赌的人对他说：“这是开玩笑，千万不要当真。”但他说 (46) _____ 打了赌，就得算数。他 (47) _____ 地挑了三个月，空出了一大片地，他在空地上种了几棵桃树，现在每年都结满了果实。人们在品尝甜美桃子的同时， (48) _____ 不赞美他是一个诚实守信的人。把钱借给这样的人，还有什么不放心的呢？

诚信是道德的基石，是宝贵的资源，它 (49) _____ 金钱、才学、机敏、容貌更重要。正如一则寓言里所说：你若失去诚信，便把一切都失掉了。一个拥有诚信的人才能 (50) _____ 于社会。同样，一个拥有诚信的民族才有希望，一个拥有诚信的国家才有可能兴旺发达。

(梁鸿雁，《HSK 最新模拟试题集（初、中等）》，北京语言大学出版社，2008 年，有删改)

- | | | | | |
|---------|---------|---------|---------|---------|
| Câu 41: | A. 规范 | B. 规定 | C. 规律 | D. 规则 |
| Câu 42: | A. 家 | B. 位 | C. 本 | D. 只 |
| Câu 43: | A. 出 | B. 搬 | C. 办 | D. 当 |
| Câu 44: | A. 体会 | B. 明白 | C. 明确 | D. 体现 |
| Câu 45: | A. 只 | B. 都 | C. 便 | D. 才 |
| Câu 46: | A. 如果 | B. 即使 | C. 尽管 | D. 既然 |
| Câu 47: | A. 断断续续 | B. 上上下下 | C. 确确实实 | D. 大大小小 |
| Câu 48: | A. 非 | B. 无 | C. 总 | D. 都 |
| Câu 49: | A. 是 | B. 比 | C. 像 | D. 有 |
| Câu 50: | A. 成立 | B. 立足 | C. 站立 | D. 立正 |

----- HẾT -----